

Số/No: 25/TN5/1837-02.....

Trang/Page:.....1/2...

VIMCERTS 093/2025/1775

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải sinh hoạt 2R1 sau xử lý - Tọa độ X: 2349076;
Y: 0574932.**
- Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
- Lượng mẫu: **10L.**
- Ngày lấy mẫu: **19/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.**
- Ngày hoàn thành: **18/09/2025.**

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-02

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2025/1775

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	6,81
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	6,5
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	10,8
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	390
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023	≤ 1,0	< 0,10
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	0,303
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	15,4
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,21
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	220

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-04.....

Trang/Page:1/2...

VIMCERTS 093/2025/1777

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải sinh hoạt 2R2 sau xử lý - Tọa độ X: 2348942;
Y: 0575152.**
- Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
- Lượng mẫu: **10L.**
- Ngày lấy mẫu: **19/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.**
- Ngày hoàn thành: **18/09/2025.**

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-04.....

Trang/Page: 2/2.....

VIMCERTS 093/2025/1777

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	6,84
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,0
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	22,0
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	394
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	0,108
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	17,4
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	KPH (GHPH = 1,0)
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,180
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	110

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-05.....

Trang/Page:1/2....

VIMCERTS 093/2025/1778

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước thải sinh hoạt SH3 sau xử lý.
Tọa độ: X: 2349070; Y: 0574072.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-05.....

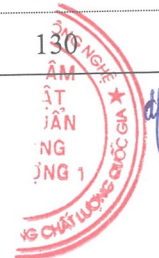
Trang/Page: 2/2.....

VIMCERTS 093/2025/1778

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	7,00
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	7,0
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	21,2
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	424
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	0,117
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	17,8
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,236
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	130

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-02.....

Trang/Page:.....1/2.....

VIMCERTS 093/2025/1781

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: PA - Nước thải công nghiệp 2R1 sau xử lý - Tọa độ X: 2349166;
Y: 0575004.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Him Đức Thu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-02.....

Trang/Page: 2/2.....

VIMCERTS 093/2025/1781

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	30,0
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,04
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,8
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	19,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	42,0
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	< 0,10
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	< 0,10
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,543
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	27,3
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,105
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "-": Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-04.....

Trang/Page:.....1/2....

VIMCERTS 093/2025/1783

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: PA - Nước thải công nghiệp 2R2 sau xử lý - Tọa độ X: 2348961; Y: 0575158.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-04

Trang/Page: 2/2
VIMCERTS 093/2025/1783

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	30,1
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,35
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	< 3,0
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	< 9,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	10,8
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,116
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,745
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	35,6
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	3,12
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,215
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "--" Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-06.....

Trang/Page:1/2...

VIMCERTS 093/2025/1785

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: PA - Nước thải công nghiệp 4R sau xử lý - Tọa độ X: 2348967; Y: 0574612.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-06.....

Trang/Page: 2/2.....

VIMCERTS 093/2025/1785

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	29,7
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,66
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	18,4
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	7,3
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	23,8
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	12,4
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	< 0,010
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B.2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	< 0,010
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	< 0,10
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,107
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	2,93
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	119
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,826
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "-" Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-11.....

Trang/Page:1/3...

VIMCERTS 093/2025/1790

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: UFC - Nước thải hồ điều hòa số 3A - Tọa độ X: 2349047; Y: 0575903.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thụ



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-11

Trang/Page: 2/3

VIMCERTS 093/2025/1790

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	29,8
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	6,87
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	14,1
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	8,8
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	28,5
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	20,8
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	< 0,010
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	< 0,10
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	< 0,10
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,122
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,90
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	100
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-11

Trang/Page: 3/3

VIMCERTS 093/2025/1790

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	20,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,872
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	350
29	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	$\leq 500^*$	488
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	$\leq 5^*$	< 0,30
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	$\leq 10^*$	KPH (GHPH = 1,0)
32	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 30^*$	13,1

Ghi chú:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

KPH: Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn;

“*” **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-12.....

Trang/Page:1/3...

VIMCERTS 093/2025/1791

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Nước thải điểm xả cuối Honda - Tọa điểm X: 2348984,6553, Y: 575265,9861.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC



Kim Đức Chụ

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1838-12

Trang/Page: 2/3

VIMCERTS 093/2025/1791

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	29,7
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,15
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	< 3,0
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	< 9,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	12,2
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,114
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,45
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	6,34
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:25/TN5/1838-12.....

Trang/Page:3/3.....

VIMCERTS 093/2025/1791

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,115
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	430
29	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	$\leq 500^*$	68
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	$\leq 5^*$	< 0,30
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	$\leq 10^*$	KPH (GHPH = 1,0)
32	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 30^*$	1,26

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "--" Không quy định trong quy chuẩn.
"--" QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - cột A.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-06.....

Trang/Page:1/2...

VIMCERTS 093/2025/1779

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước thải sinh hoạt khu ký túc xá sau xử lý.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 19/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 đến ngày: 18/09/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/09/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1837-06.....

Trang/Page: 2/2.....

VIMCERTS 093/2025/1779

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	7,01
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	6,1
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	24,0
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	401
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023	≤ 1,0	0,111
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	13,5
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,14
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	350

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1839-02

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp 2R1 - tháp 10m³.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam
3. Lượng mẫu: 19/08/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 10L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 Đến ngày: 18/09/2025.
7. Ngày hoàn thành: 18/09/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,44
4	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	< 1,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
6	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
8	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	0,6
9	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
10	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
11	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
12	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025



Hàm Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1839-03

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước vòi rửa tay cantin 1.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam
3. Lượng mẫu: 19/08/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 10L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 Đến ngày: 18/09/2025.
7. Ngày hoàn thành: 18/09/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,60
4	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
5	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
6	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
8	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	0,6
9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
10	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
11	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
12	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1839-01

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp 2R2 - bể 1000m³.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam
3. Lượng mẫu: 19/08/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 10L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 Đến ngày: 18/09/2025.
7. Ngày hoàn thành: 18/09/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,49
4	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
6	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
8	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	0,8
9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
10	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
11	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
12	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025



Kim Đức Chụ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1839-04

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp sinh hoạt tại bể 1 khu ký túc xá.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam
3. Lượng mẫu: 19/08/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 10L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 Đến ngày: 18/09/2025.
7. Ngày hoàn thành: 18/09/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	6,96
4	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	< 1,5
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
6	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
8	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	0,7
9	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
10	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
11	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
12	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1839-05

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước cấp sinh hoạt tại bể 2 khu ký túc xá.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam
3. Lượng mẫu: 19/08/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 10L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 Đến ngày: 18/09/2025.
7. Ngày hoàn thành: 18/09/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	7,57
4	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
6	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	≤ 0,01	KPH (GHPH = 0,003)
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
8	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	0,4
9	Coliforms	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
10	E.Coli	CFU/ 100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
11	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
12	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

Đặng Việt Lâm



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1839-06

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Mẫu nước vôi tại khu vệ sinh ký túc xá.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam
3. Lượng mẫu: 19/08/2025.
4. Ngày lấy mẫu: 10L.
5. Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
6. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 19/08/2025 Đến ngày: 18/09/2025.
7. Ngày hoàn thành: 18/09/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Tham khảo QCVN 01-1 2024/BYT	Kết quả
1	Màu sắc	Pt-Co	SMEWW 2120 C:2023	≤ 15	KPH (GHPH = 2,0)
2	Mùi	-	SMEWW 2150:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0 – 8,5	5,60
4	Độ đục	NTU	US EPA Method 180.1:1993	≤ 2	KPH (GHPH = 0,5)
5	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	≤ 1	KPH (GHPH = 0,05)
6	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B:2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,003)
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	< 1,50
8	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl G:2023	0,2 – 1,0	0,4
9	Coliforms	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
10	E.Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1	0
11	Tụ cầu vàng	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017	< 1	0
12	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1	0

Ghi chú: QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Kim Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.